

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 21-10-2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 64/2021/TLST-DS ngày 31/5/2021 về việc ***“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-DS ngày 17/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-DS ngày 04/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là *Ngân hàng*); Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Thanh Bình, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai. Địa chỉ: Số 35 Võ Thị Sáu, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. (*Văn bản ủy quyền số 148/NHNoKBĐGL-TH ngày 25/5/2021*).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1984 và chị Bùi Thị N, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Làng Kgiang, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ông Bình có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H-chị N lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, được bổ sung tại bản tự khai ngày 31/5/2021 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng ông Đỗ Thanh Bình trình bày:

Vào ngày 04/01/2019, anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N đã vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số:

42/HĐTD và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số: 5008LDS 202000262, mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống của hộ gia đình, với lãi suất cho vay là 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 14,70%/năm, lãi chậm trả: 10%/năm. Thời hạn 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/01/2021.

Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 42 ngày 04/01/2019; Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/01/2019; Tài sản bảo đảm là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 042349 do UBND huyện K cấp ngày 11/10/2010, số vào sổ cấp GCN: CH 000102b.

Trong thời gian vay vốn, anh H-chị N đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 14/01/2021, đồng thời Ngân hàng cũng nhiều lần thông báo đòi nợ, đôn đốc, nhắc nhở bằng nhiều hình thức nhưng anh H-chị N vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 25/5/2021, anh H-chị N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 220.459.178 đồng (*hai trăm hai mươi triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng*). Bao gồm số tiền gốc là 200.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 16.915.068 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 3.544.110 đồng. Anh H-chị N phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 26/5/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại bảng kê tính lãi, Ngân hàng bổ sung yêu cầu anh H-chị N còn phải trả tiếp số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh từ ngày 26/5/2021 đến hết ngày 21/10/2021 (*ngày xét xử sơ thẩm*) số tiền nợ lãi trong hạn là 7.458.631 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn 3.729.315 đồng. Tổng cộng, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N phải trả cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai là 231.647.124 đồng (*hai trăm ba mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi bốn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 24.373.699 đồng và nợ lãi quá hạn là 7.273.425 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 21/10/2021*).

Ngân hàng yêu cầu anh H-chị N phải trả thêm số tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra theo thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng còn yêu cầu: Trường hợp anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của anh H-chị N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 42 ngày 04/01/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh H-chị N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã triệu tập anh H-chị N đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án,

làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức. Nhưng do điều kiện hoàn cảnh làm ăn khó khăn anh H-chị N đi làm thuê ở xa nên thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ cư trú là Làng Kgiang, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; tuy nhiên anh H-chị N đã báo cáo với chính quyền địa phương và vẫn giữ liên lạc qua điện thoại với Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng đến anh H-chị N được, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để anh H-chị N thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng anh H-chị N không chấp hành. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

1/ 01 Giấy ủy quyền số 148/NHNo.KBĐGL-TH ngày 25/05/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai.

Những tài liệu, chứng cứ sao y bản chính gồm:

2/ 01 Bảng kê tạm tính lãi;

3/ 01 Quyết định V/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019;

4/ 01 Hợp đồng tín dụng số 42/HĐTD ngày 04/01/2019 giữa bên cho vay là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai và bên vay là ông Bùi Văn H và bà Bùi Thị N;

5/ 01 Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 13/01/2020;

6/ 01 Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 04/01/2019;

7/ 01 Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 42 ngày 04/01/2019 giữa Bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện K Đông Gia Lai và Bên thế chấp là ông Bùi Văn H và bà Bùi Thị N;

8/ 01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/01/2019;

9/ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Ngô Văn Thiện số BC 042349 cấp ngày 11/10/2010;

10/ 01 Giấy đề nghị phát hành thẻ ghi nợ và cấp/thay đổi hạn mức thấu chi thẻ ngày 06/8/2020;

11/ 01 Giấy Báo nợ đến hạn ngày 05/01/2021;

12/ 01 Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 14/01/2021;

13/ 03 Chứng minh nhân dân ông Bùi Văn H và bà Bùi Thị N (đều bản photo);

14/ 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Bùi Văn H (bản photo);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N, có địa chỉ tại Làng Kgiang, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua chứng cứ do Ngân hàng giao nộp là 02 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn H và Bùi Thị N; Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Bùi Văn H và biên bản xác minh tại Công an xã K.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật

Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 157, 158, 179, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 117, 118, 119, 280, 299, 317, 319, 322, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc bị đơn anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền là 220.459.178 đồng (*hai trăm hai mươi triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng*). Bao gồm số tiền gốc là 200.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 16.915.068 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 3.544.110 đồng (các khoản lãi tính đến ngày 25/5/2021). Anh H-chị N phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 26/5/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Buộc bị đơn anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N phải chịu toàn bộ chi phí định xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N có địa chỉ tại Làng Kgiang, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập anh H-chị N đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng anh H-chị N đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Đỗ Thanh Bình vắng mặt nhưng ông Bình có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét Hợp đồng tín dụng số: 42/HĐTD ngày 04/01/2019 được ký kết giữa Ngân hàng với anh H-chị N thấy rằng hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N chủ thể tham gia hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại

các Điều 117, Điều 118, và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo Hợp đồng tín dụng số: 42/HĐTD ngày 04/01/2019 và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số giải ngân: 5008LDS 202000262 được ký kết giữa ngân hàng với anh H-chị N đã thể hiện rõ việc ngân hàng cho anh H-chị N vay và nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng, phương thức vay vốn: Hạn mức tín dụng, mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống của hộ gia đình, với lãi suất cho vay là 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 14,70%/năm, lãi chậm trả: 10%/năm. Thời hạn 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/01/2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 42 ngày 04/01/2019; Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/01/2019; Tài sản bảo đảm là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 042349 do UBND huyện K cấp ngày 11/10/2010, số vào sổ cấp GCN: CH 000102b.

Sau khi vay tiền anh H-chị N đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được tiền nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông trả nợ. Anh H-chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên buộc Ngân hàng phải chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu anh H-chị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H-chị N không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú tuy nhiên anh, chị biết việc ngân hàng khởi kiện nhưng do điều kiện ở xa nên anh, chị luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh H-chị N đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 231.647.124 đồng (*hai trăm ba mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi bốn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 24.373.699 đồng và nợ lãi quá hạn là 7.273.425 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 21/10/2021*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại Hợp đồng tín dụng số: 42/HĐTD ngày 04/01/2019 giữa hai bên đương sự còn có thỏa thuận lãi suất đối với tiền lãi chậm trả: Trường hợp khách hàng (anh H-chị N) không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Trường hợp nếu anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của anh H-chị N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 42 ngày 04/01/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào

thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh H-chị N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Xét các thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện và đúng pháp luật nên Ngân hàng có các quyền này khi yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Ngày 31/8/2021, Tòa án nhân dân huyện K đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số: Lô 20, tờ bản đồ: khu A7, có diện tích 300 m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 042349 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai cấp ngày 11/10/2010 (ngày 01/10/2018 anh Bùi Văn H nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Văn Thiên). Qua xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định: Thửa đất thế chấp đúng diện tích là 300 m² đất ở nông thôn tại làng Kgiang, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; đúng vị trí, số tờ, số thửa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 042349 và đất không có tranh chấp với bên thứ ba.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 231.647.124 đồng đồng x 5% = 11.582.356 đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N phải chịu toàn bộ chi phí định xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Do nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, cụ thể như sau:

Buộc bị đơn anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 42/HĐTD ngày 04/01/2019 là 231.647.124 đồng (hai trăm ba mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là

24.373.699 đồng và nợ lãi quá hạn là 7.273.425 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 21/10/2021*).

Trường hợp nếu anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 42 ngày 04/01/2019, hợp đồng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/01/2018, tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 042349 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai cấp ngày 11/10/2010 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp khách hàng (bị đơn anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N) không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án thi hành án xong khoản tiền nợ (5.000.000 đồng) nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị N phải chịu 11.582.356 đồng (*mười một triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.511.479 đồng (*năm triệu năm trăm mười một nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003769 ngày 28/5/2021

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**